

SỞ Y TẾ NGHỆ AN
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT
BỆNH TẬT

Số: 871/TM-KSBT
V/v yêu cầu báo giá

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghệ An, ngày 23 tháng 4 năm 2024

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Các đơn vị cung cấp sinh phẩm, hóa chất, vật tư

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, làm căn cứ xây dựng giá kế hoạch các mặt hàng hóa chất, sinh phẩm, vật tư y tế cho hoạt động chuyên môn năm 2024-2025 (đợt 2) với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Nghệ an
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:
DS. Trần Nữ Trà My – Khoa Dược- VTYT - SĐT: 0971124104
- Cách thức, địa chỉ nhận báo giá:

Gửi về địa chỉ: Số 140 - đường Lê Hồng Phong, phường Trường Thi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Lưu ý: Báo giá được niêm phong kín, bên ngoài ghi rõ nội dung “Báo giá các mặt hàng Hóa chất, vật tư, sinh phẩm đợt 2 năm 2024-2025”. Đồng thời gửi file mềm (PDF, excel) qua email: dauthauksbtna@gmail.com.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Trong giờ hành chính đến trước 10h00 ngày 06/05/2024. Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 06/05/2024.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

- Danh mục hóa chất, sinh phẩm, vật tư (theo phụ lục 1 đính kèm)
- Đề nghị các đơn vị cung cấp báo giá theo mẫu (phụ lục 2 đính kèm)
- Địa điểm cung cấp: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật- Địa chỉ: Số 140- đường Lê Hồng Phong, phường Trường Thi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An;

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, Tổ tư vấn mua sắm


Chu Trọng Trang



Phụ lục 1. DANH MỤC HÀNG HÓA MỜI BẢO GIÁ
(kèm theo mời bảo giá số 871 /TM-KSBT ngày 28/4/2024)

STT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách (nếu có)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgM kháng lại vi rút Viêm não Nhật Bản	Bộ xét nghiệm dùng để xác định định tính kháng thể IgM kháng virus Viêm não Nhật Bản trong huyết thanh hoặc huyết tương người. Thành phần: + Dải Microtiter được phủ cho IgM người + Dung dịch đệm pha loãng mẫu cho IgM loại A + JE Kiểm soát âm tính + JE IgM Kiểm soát dương tính + Kháng nguyên JE (JERA) cho IgM + Kháng nguyên tế bào bình thường sẵn sàng sử dụng (NCA) cho JE IgM + Enzyme Conjugate-HRP cho JE IgM + 10X Dung dịch đệm rửa + EnWash + Chất nền TMB + Dung dịch dừng phản ứng.	96 test/hộp	Hộp	3	
2	Chất thử/Kháng huyết thanh định danh vi sinh vật	Kháng huyết thanh Shigella dạng lỏng, có chứa hạt ngưng kết đặc hiệu được sử dụng để định danh huyết học của Shigella boydii.- Bảo quản ở 2-10°C- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	2 ml/ lọ	Lọ	1	
3	Chất thử/Kháng huyết thanh định danh vi sinh vật	Kháng huyết thanh Shigella dạng lỏng, có chứa hạt ngưng kết đặc hiệu được sử dụng để định danh huyết học của Shigella dysenteriae.- Bảo quản ở 2-10°C- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	2 ml/ lọ	Lọ	1	
4	Chất thử/Kháng huyết thanh định danh vi sinh vật	Kháng huyết thanh Shigella dạng lỏng, có chứa hạt ngưng kết đặc hiệu được sử dụng để định danh huyết học của Shigella sonnei.- Bảo quản ở 2-10°C- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	2 ml/ lọ	Lọ	1	
5	Chất thử/Kháng huyết thanh định danh vi sinh vật	Kháng huyết thanh Shigella dạng lỏng, có chứa hạt ngưng kết đặc hiệu được sử dụng để định danh huyết học của Shigella flexneri.- Bảo quản ở 2-10°C- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	2 ml/ lọ	Lọ	1	
6	Chất thử/Kháng huyết thanh định danh vi sinh vật	Kháng huyết thanh Vibrio cholerae dạng lỏng có chứa ngưng kết đặc hiệu được sử dụng để định danh huyết học của Vibrio cholerae O1 Antiserum (Serovar Inaba).- Bảo quản ở 2-10°C- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	2 ml/ lọ	Lọ	1	
7	Chất thử/Kháng huyết thanh định danh vi sinh vật	Kháng huyết thanh Vibrio cholerae dạng lỏng có chứa ngưng kết đặc hiệu được sử dụng để định danh huyết học của Vibrio cholerae O1 Antiserum (Serovar Ogawa).- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	2 ml/ lọ	Lọ	1	

28/4/2024

STT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách (nếu có)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
8	Chất thử/Kháng huyết thanh định danh vi sinh vật	Kháng huyết thanh Vibrio cholerae dạng lỏng có chứa ngưng kết đặc hiệu được sử dụng để định danh huyết học của Vibrio cholerae O1- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	2 ml/ lọ	Lọ	1	
9	Chất thử/Kháng huyết thanh định danh vi sinh vật	Kháng huyết thanh Vibrio cholerae dạng lỏng có chứa ngưng kết đặc hiệu được sử dụng để định danh huyết học của Vibrio cholerae O139- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	2 ml/ lọ	Lọ	1	
10	Chất thử/Kháng huyết thanh định danh vi sinh vật	Kháng huyết thanh Salmonella dạng lỏng có chứa ngưng kết đặc hiệu được sử dụng để định danh huyết học của Salmonella As Poly O - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	2 ml/ lọ	Lọ	1	
11	Chất thử/Kháng huyết thanh định danh vi sinh vật	Kháng huyết thanh Salmonella dạng lỏng, có chứa ngưng kết đặc hiệu được sử dụng để định danh huyết học của các serotype Salmonella H	2 ml/ lọ	Lọ	1	
12	Chất thử/Kháng huyết thanh định danh vi sinh vật	Kháng huyết thanh Salmonella dạng lỏng, có chứa ngưng kết đặc hiệu được sử dụng để định danh huyết học của các serotype Salmonella Vi.	2 ml/ lọ	Lọ	1	
13	Chất thử/Kháng huyết thanh định danh vi sinh vật	Kháng huyết thanh Salmonella dạng lỏng, có chứa ngưng kết đặc hiệu được sử dụng để định danh huyết học của các serotype Salmonella O Bảo quản ở 2-10°C Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	2 ml/ lọ	Lọ	1	
14	Kháng huyết thanh H đa giá Salmonella As H-G	Kháng huyết thanh Salmonella dạng lỏng, có chứa ngưng kết đặc hiệu được sử dụng để định danh huyết học của các serotype Salmonella H-G.	2ml/lọ	Lọ	1	
15	Dung dịch Acid acetic 3%	Thành phần: acid acetic 3%, màu trắng trong suốt	500ml/ chai	Chai	44	
16	Lugol 3%	Lugol 3% Thành phần: Iod; Kali Iod	500ml/ chai	Chai	88	
17	Hóa chất ly giải dùng cho máy huyết học tự động 29 thông số	Thành phần: Organic quaternary ammonium salts 0,07%; Nonionic surfactant 0,17% Đạt ISO 13485	(1 thùng x 5L/thùng)/ Hộp	Hộp	4	
18	Hóa chất nhuộm các tế bào bạch cầu tự động 29 thông số	Thành phần: Polymethine 0,002%; methanol 3,0%; Ethylene Glycol 96,9% Đạt ISO 13485	(2 lọ x 42ml/ lọ)/hộp	Hộp	3	

STT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách (nếu có)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
19	Hóa chất pha loãng dùng cho máy huyết học tự động 29 thông số	Thành phần: Sodium chloride 0,7%; Tris buffer 0,2%; EDTA-2K 0,02%. Đạt ISO 13485	(1 thùng x20lit/thùng) / Hộp	Hộp	22	
20	Test Clo dư	Dải nồng độ: 0.02 - 2.00 mg/L Cl ₂ . Bảo quản: 10 - 25 °C	(0,12g/gói x100g gói)/ hộp	Hộp	5	
21	Môi trường lọc rửa tinh trùng	Môi trường lọc rửa tinh trùng Sil -Select Plus pha sẵn 2 nồng độ Upper 45% lower 90%	(2 lọ x 20ml/lọ)/ hộp	Bộ	2	
22	Alcohol amyl chất chuẩn	Độ tinh khiết ≥ 99.0 % Khối lượng phân tử: 88.15 g/mol Bảo quản +20°C	1g/lọ	Lọ	1	
23	Alcohol isobutyl chất chuẩn	Isobutyl alcohol nồng độ 5000 µg/mL trong Methanol Khối lượng phân tử: 74.12g/mol Bảo quản ≤ -10 °C	1ml/lọ	Lọ	1	
24	Alcohol n-propyl chất chuẩn	Độ tinh khiết $\geq 99.0\%$ Khối lượng phân tử: 60.10 g/mol Bảo quản : 20°C $\pm$ 4°C	1ml/lọ	Lọ	1	
25	Carbon disulfide (CS ₂) tinh khiết	Độ tinh khiết $>99.0\%$ Nước ≥ 0.02 % Chất không bay hơi ≥ 0.002 % SO ₄ (Sulfate) ≥ 3 ppm	500ml/chai	Chai	1	
26	Chất chuẩn trans,trans-Muconic acid (99%)	Công thức hóa học: C ₆ H ₆ O ₄ Độ tinh khiết chuẩn độ bằng NaOH 97.5 - 102.5 % Khối lượng phân tử: 142.11 g/mol	10g/lọ	Lọ	1	
27	chuẩn nội 3-pentanol chất chuẩn	Độ tinh khiết ≥ 98.0 % Khối lượng phân tử: 88.15 g/mol Bảo quản : 20°C $\pm$ 4°C	1ml/lọ	Lọ	1	
28	Dầu soi kính hiển vi	Dầu dùng để soi kính hiển vi, trong suốt có chiết suất cao	25ml/ lọ	ml	600	
29	Dung dịch gốc n-butanol, chất chuẩn	Độ tinh khiết ≥ 99.0 % Khối lượng phân tử: 74.12 g/mol Bảo quản: 20°C $\pm$ 4°C	1ml/lọ	Lọ	1	
30	Dung dịch rửa tinh trùng	Dung dịch muối vô cơ , hệ đệm bicarbonate và HEPES, có Albumin và huyết thanh tổng hợp	30 ml /Lọ	Lọ	2	
31	Môi trường thạch KIA	Thực hiện thử nghiệm lên men đường Glucose, Lactose, Sinh Hydrogen Sulfide và sinh khí để định danh trực khuẩn Gram âm dễ mọc	4 ml/ ống	Ống	200	

Amys

STT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách (nếu có)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
32	Lysin Decarboxylase	Thực hiện thử nghiệm Lysin Decarboxylase dùng định danh trực khuẩn gram âm, dễ mọc	10 Lọ/ Hộp	Lọ	200	
33	Manit di động	Phát hiện khả năng di động của vi khuẩn	10 Lọ/ Hộp	Lọ	200	
34	Methanol dùng cho sắc ký khí	Độ tinh khiết: $\geq 99.97\%$ Khối lượng phân tử: 32.04 g/mol Tỷ trọng: 0.792 g/cm ³ (20 °C) Nước $\leq 0.01\%$ Bảo quản: +2°C đến +30°C.	2500ml/chai	Chai	1	
35	Môi trường Ure Indol	Thực hiện thử nghiệm sinh Urease, sinh Indol và di động để định danh trực khuẩn Gram âm, dễ mọc (ghi rõ tiêu chí kỹ thuật)	10 Lọ/ Hộp	Lọ	200	
36	Sodium arsenate dibasic Na ₂ HAsO ₄ .7 H ₂ O	Độ tinh khiết $\geq 98.0\%$ Màu sắc: Trắng Khối lượng phân tử: 312.01 g/mol Giá trị pH: 8.5-9.0 (25 °C, 50 g/L)	100g/lọ	Lọ	1	
37	Thạch máu đồ đĩa	Lọc staphylococcus và streptococcus. Phân biệt các kiểu hình tiêu huyết(α, β, γ). Áp dụng nuôi cấy phân lập tác nhân nhiễm trùng từ các bệnh phẩm đường hô hấp, quệt hầu họng, mủ-dịch tiết)	10 đĩa/hộp	Đĩa	1.000	
38	Chuẩn n-butanol	Độ tinh khiết $\geq 99.0\%$ Khối lượng phân tử: 74.12 g/mol Bảo quản: 20°C $\pm$ 4°C	1ml/lọ	Lọ	1	
39	Polyetylen glycol (PEG)	Công thức hóa học: HOCH ₂ CH ₂ (OCH ₂ CH ₂)NOH Khối lượng phân tử: 7000-9000 Giá trị pH: 4-7 Điểm đóng băng: 60,0-65,08°C Bảo quản: 18-25°C Bỏ sung tiêu chí kỹ thuật	500g/lọ	Lọ	1	
40	Potassium Dihydrogen Citrate (C ₆ H ₇ KO ₇)	Độ tinh khiết 99% Khối lượng phân tử: 230.21g/mol Độ hòa tan: Hòa tan trong nước, ít tan trong ethanol	500g/lọ	Lọ	1	
41	Phenylhydrazine hydrochlorid	Công thức hóa học: C ₆ H ₈ N ₂ .HCl Khối lượng phân tử: 144.6g/mol Dạng bột, màu trắng Độ hòa tan: 33,3 mg hòa tan trong 1 mL nước Sắt (Fe) $\leq 0,001\%$ Sulfat (SO ₄) $\leq 0,01\%$ Bảo quản ở dưới 30°C	25g/lọ	Lọ	1	

lthy

STT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách (nếu có)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
42	Urine Control, lyophil., for Nicotine and Metabolites, Level I, II, III	Bảo quản: -18°C Đóng gói: 18ml/hộp Nồng độ creatinine của các mức kiểm soát khác nhau là 0,28 g/l. Hoàn nguyên: Thêm chính xác 3,0 ml nước HPLC vào lọ và trộn trong 15 phút. Khi tất cả vật chất được hòa tan, dung dịch đã sẵn sàng để sử dụng. Sau khi hoàn nguyên, độ ổn định của chất phân tích là: • ít nhất 12 giờ khi bảo quản ở 15 - 30°C • ít nhất 7 ngày khi bảo quản ở 2 - 8°C • ít nhất 90 ngày khi bảo quản dưới -18°C	18ml/hộp	Hộp	1	
43	Urine Control, lyophil.,for occupational medicine Level I, II	Sự biến đổi của chất làm đầy khối lượng (CV) là < 1 % Bảo quản: 2-8°C Đóng gói: 50ml/ hộp Sau khi hoàn nguyên, độ ổn định của chất phân tích là: • ít nhất 8 giờ khi bảo quản ở 15 - 30°C • ít nhất 7 ngày khi bảo quản ở 2 - 8°C • ít nhất 30 ngày khi bảo quản dưới -18°C	50ml/hộp	Hộp	1	
44	Phèn chua	Muối kali nhôm sunfat tồn tại dưới dạng tinh thể, có tính kháng khuẩn, kháng nấm	100g/lọ	Kg	200	
45	Hóa chất xác định nồng độ huyết sắc tố	Công dụng: dung dịch đo hemoglobin; bảo quản: ở 2 - 30 độ C. Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 60 ngàyThành phần: Sodium Lauryl Sulfate 1.7 g/l	(3 Chai x 500ml/ chai)/Hộp	Hộp	10	
46	Hóa chất rửa dùng cho máy phân tích huyết học tự động	Thành phần: Sodium Hypochlorite (nồng độ chlorine 5,0%)Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	(20 ống x4ml/ống)/Hộp	Hộp	3	
47	Gel bôi trơn	Thành phần gồm: Chlorhexidine, Degluconate and Methyl Hydroxybenzoate. Gel bôi trơn được sử dụng để bôi trơn nội soi dạ dày, nội soi đại tràng, nội soi trực tràng, bôi trơn âm đạo...đã được tiệt trùng.	82 gram/ tuýp	Tuýp	350	
48	Hóa chất diệt côn trùng	Alpha – Cypermethrin 10%	1 lit/ chai	Lit	45	
49	Vaselin	Hoạt chất: VaselineDạng bào chế: Dạng Kem (Cream)Công dụng: Dưỡng ẩm cho da, làm lành vết bỏng và vết thương nhỏ, bôi trơn	1kg/túi	Túi	1	
50	Băng dính cá nhân	Thiết kế chống thấm nước, thông thoáng, độ dính cao, co giãn tốt. Kích thước 1 cái: 2 x 6cm	102 miếng/ Hộp	Miếng	19.900	

thuy

STT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách (nếu có)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
51	Bơm hút thai Karman 1 van	1 ống bơm 1 van 60cc, 1 pitton kín, 1 gioăng cao su hình chữ O, 1 đai hãm cổ bơm giữ cho pitton không bị tuột khỏi ống bơm, 1 bộ van, 3 ống hút kích thước 4; 5; 6 mm, 1 lọ dầu silicol 2ml	(1 ống bơm 1 van dung tích 60ml, kèm theo ống hút 4; 5; 6mm, 1 lọ dầu silicon bôi trơn)/bộ	Bộ	20	
52	Bơm hút thai Karman 2 van	1 ống bơm 2 van 60 cc, 1 pitton kín, 1 gioăng cao su hình chữ O, 1 đai hãm cổ bơm giữ cho pitton không bị tuột khỏi ống bơm, 1 bộ van(gồm 1 van và 1 van lót cao su) có khóa bằng nút bấm có tác dụng giải phóng áp lực chân không, 1 bộ ống hút kích thước 4; 5; 6; 7; 8; 9; 10; 12 mm, 1 lọ dầu silicol 2ml	(1 Bơm hút 2 van dung tích 60ml, kèm theo ống hút 4; 5; 6; 7; 8; 9; 10; 12mm, 1 lọ dầu silicon bôi trơn)/bộ	Bộ	3	
53	Bơm tiêm sử dụng một lần	Bơm tiêm nhựa 0,1ml, cỡ kim 27G, đầu sắc nhọn.có nắp đậy. Vô trùng, không chất gây sốt. Đóng gói riêng từng cái	100 Cái/ Hộp	Cái	52.628	
54	Bơm tiêm sử dụng một lần	Bơm tiêm nhựa 5ml, cỡ kim 23G đầu kim sắc nhọn, có nắp đậy, vát 3 cạnh	100 Cái/ Hộp	Cái	30.000	
55	Chai thủy tinh miệng rộng nút mài 250ml	Dung tích: 250ml. Màu sắc: trắng. Vật liệu: Thủy tinh Borosilicate. Đường kính đáy: 70mm, đường kính miệng: 27mm. Chiều cao: 135mm	12 chai/hộp	Chai	550	
56	Chai thủy tinh miệng rộng nút mài 500ml	Dung tích: 500ml. Màu sắc: trắng. Vật liệu: Thủy tinh Borosilicate. Đường kính đáy: 85mm, đường kính miệng: 33mm. Chiều cao: 172mm	8 chai/hộp	Chai	550	
57	Đầu lọc màng	Chất liệu: Nylon độ bền cơ học và độ bền kéo cao Kích thước: 13mm x 0,45µm Nhiệt độ tối đa 100°C Áp suất vận hành tối đa 87psi Hộp 100 chiếc	100cái/hộp	Hộp	1	
58	Đĩa Petri nhựa Ø90	Đĩa nhựa petri loại Ø 90, cao 15mm bằng nhựa trong.Chất liệu Polystyrene. Đường kính 90mm, đã được tiệt trùng	500 cặp/thùng	Cặp	6.000	

Chung

STT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách (nếu có)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
59	Gel bôi trơn	Bôi trơn bơm Karman 1 van và 2 van. Túyp silicon 2ml	1 túyp/ 2ml	Túyp	44	
60	Giấy lọc	Chất liệu: Ester cellulose, cấu tạo cellulose acetate (~20%) và cellulose nitrate (~80%). Kích thước: cỡ lỗ lọc 0,8 μ m, đường kính 37mm, độ dày 140 μ m	100 tờ/hộp	hộp	2	
61	Hộp an toàn đựng bơm kim tiêm đã sử dụng	Hộp có dung tích 5,0 lít, hình chữ nhật, màu vàng, không mùi. Kích thước: 15,5cm x 12cm x 27,3cm ($\pm$ 2%); được làm bằng giấy Duplex, cán màng PE.	50 Cái/ Hộp	Cái	800	
62	Hộp đựng đồ hấp	Hộp hấp tròn, Chất liệu Inox. Kích thước: Φ 40x20cm	Hộp	Hộp	1	
63	Hộp Inox đựng bông cotton y tế	Hộp inox có nắp. KT: 7,5*5*7cm	cái	Cái	17	
64	Kim chích máu, loại đầu xoay	Được sản xuất từ thép Carbon, đầu mũi kim được vát nhọn với công nghệ sản xuất hiện đại; Tiết trùng từng cây.	100 cái/hộp, 20.000 cái/thùng	Hộp	200	
65	Khẩu trang y tế 3 lớp	02 lớp ngoài: Vải không dệt được làm từ polypropylene đạt tiêu chuẩn; Lớp giữa: Vải lọc được làm từ polypropylene đạt tiêu chuẩn, không thấm nước, không độc hại, có tác dụng lọc khí, ngăn cản bụi, vi khuẩn... Thanh tựa mũi làm từ nhựa, bên trong không hoặc có lõi thép gắn cố định với khẩu trang, dễ định hình; Dây đeo làm từ vải thun co giãn hoặc vải không dệt	50 cái/ hộp	Cái	2.700	
66	Lam kính	Bằng thủy tinh, trong suốt, không mốc, không xước, loại nhám. Dày 1-1,2mm, KT 24mm x 76,2 mm	72 cái/hộp	Hộp	14	
67	Màng lọc Cellulose Nitrate	Chất liệu: Cellulose nitrate. Đường kính 47mm, kích thước lỗ lọc: 0.45 μ m. Màn lọc kẻ ô, nền màu trắng kẻ màu đen	100 cái/hộp	Cái	2.000	
68	Que hút thai	Ống hút thai mềm số 4;5;6 mm bơm Karman 1 van. Nhựa mềm trong suốt, không gây kích ứng	1 cái / gói	Cái	22	
69	Ống nghiệm tiết trùng 14 ml	KT 98,58mm x 17,60mm x 15x88 (chiều cao x Đường kính phía trên x đường kính đáy) Dung tích 14 ml. Là loại ống đáy tròn có nắp 2 nắp được đóng gói và tiết trùng riêng từng chiếc. Có thể chịu được lực li tâm ở mức 1400 rcf	500 cái / hộp	Cái	100	

Vmy

STT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách (nếu có)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
70	Ống nghiệm tiệt trùng 5 ml	KT 75,54mm x 12,40mmx11.68mm (chiều cao x Đường kính phía trên x đường kính đáy). Dung tích 5 ml. Là loại ống đáy tròn có nắp 2 nắp được đóng gói và tiệt trùng riêng từng chiếc. Có thể chịu được lực li tâm ở mức 1400 ref		Cái	50	
71	Ống than hoạt tính hấp thụ	Kích thước: dài 7 cm, đường kính ngoài (OD) 6mm, đường kính, có chứa hai phần của than vỏ dừa đã hoạt hóa (trước: 100mg, sau: 50mg), 20/40 mesh.	50 ống/hộp	Hộp	2	
72	Ống than hoạt tính hấp thụ	Kích thước: dài 11 cm, đường kính ngoài (OD) 8mm, có chứa hai phần silicagel (trước 520mg, sau: 260mg), 20/40 mesh.	50 ống/hộp	Hộp	1	
73	Pipet pasteur thủy tinh	Pipet pasteur thủy tinh tiệt trùng có lọc. KT 150mm	250 cái / hộp	Cái	100	
74	Que cấy	Được làm bằng polystyrene trong y tế Vòng có sẵn kích thước 10µl Đầu đối diện của mỗi vòng được dùng làm kim để loại bỏ các mẫu đơn khuẩnTiệt trùng , không chứa chất gây sốtĐóng gói trong túi có thể khóa lại	25 cái/gói	Cái	200	
75	Que phết đờm	Thân que bằng gỗ, một đầu bông, đựng trong ống nghiệm có nhãn, tiệt trùng, dài 15 cm	1 que/ hộp; 100 hộp/túi	Que	1.000	
76	Tăm bông ngoáy họng	Chất liệu: cán bằng gỗ, đầu cotton, chiều dài 175mm. Đóng gói riêng từng chiếc, đã tiệt trùng.	100 que/túi	Que	500	
77	Túi lấy mẫu khí	Chủng loại: Tedlar Túi chứa mẫu khí 10 lít được làm từ màng DuPont's 2mil Tedlar® PVF Túi chứa khí Tedlar với màng PVF có tính chất dai, bền và trơ với dải rộng các hợp chất hóa học Túi chứa khí Tedlar với bộ khớp nối (fitting) với kết cấu 2 in 1, kết hợp với van và màng ngăn (septum) Bộ khớp nối có 03 phương án lựa chọn với túi chứa khí Tedlar: Nhựa Polypropylene Thép không gỉ Nhựa PTFE Kích thước: 10L	1 chiếc/hộp	Hộp	5	
78	Túi ủ kỵ khí Anaero/ AnaeroPack CO2	Thành phần chính: acid ascorbic Kích thước: 2,5l: W135 x L197 x H95 (mm)	10 túi /Gói	Túi	200	
79	Ống nghiệm thủy tinh	– Chất liệu: thủy tinh boron thấp frit 3.3 bền với nhiệt – Màu sắc: Trong suốt – Đường kính: 10mm – Chiều cao ống: 120mm – Dạng đáy lõm		Cái	30.000	

Am2

STT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách (nếu có)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
80	Ống nghiệm thủy tinh	Chất liệu: Thủy tinh trong suốt Vạch chia: Không chia vạch, ống trơn, không nắp, không có nhãn ghi, bề mặt nhẵn trơn dễ dàng rửa sạch sau khi sử dụng. - Kích thước: 1cm x 7cm	Đóng gói: 1000 ống/hộp	Ống	2.000	
81	Thùng lấy mẫu	Dung tích: 24L, Kích thước: 413 x 283 x 360 mm. Nguyên liệu: nhựa PP chính phẩm. Nắp rời.	Thùng	Thùng	1	
82	Chai Vial nắp vặn 2ml	Thể tích: 2ml Chất liệu: Chai thủy tinh trắng, nắp vặn 2mL, miệng 9mm, chia vạch tới 1.5ml, có nhãn ghi Nắp vặn xanh, có lỗ cho miệng 9mm, septa có rãnh Red PTTE/White Silicone	100 cái/hộp	Hộp	1	
83	Chai Vial nắp vặn 4ml	Thể tích: 4ml Chất liệu: Chai thủy tinh trắng, nắp vặn 4mL, miệng 13mm, chia vạch tới 4ml có nhãn ghi Nắp vặn đen, có lỗ cho miệng 13mm, septa Red PTFE/White Silicone	100 cái/hộp	Hộp	1	
84	Ống nghe 2 dây	Ống dẫn kép, làm bằng cao su đã nhiệt đới hóa. Bộ phận khuếch đại âm thanh làm bằng chất liệu Aluminum, màng khuếch đại có độ nhạy âm cao.	Đóng gói: 01 bộ/hộp (gồm 03 kích cỡ đeo tai; 02 dây truyền âm; 05 phụ kiện thay thế kèm theo)	Bộ	5	
85	Ống thổi đo CNHH	Đường kính ống: 30mm Đường kính trong ống giấy: ~28mm Chiều dài ống ngâm giấy: 55mm - 75mm	Đóng gói: 100 cái/hộp	Cái	8.000	
86	Đèn Clar khám tai mũi họng	- Bóng đèn LED, có độ sáng trắng và gom ánh sáng; Model cho máy và xạc TL-06A	Đóng gói: 01. bộ/hộp	Bộ	3	
87	Bảng đo thị lực	Bảng kiểm tra thị lực vòng tròn hờ chữ C	01 bộ/hộp	Bộ	4	
88	Cân trọng lượng cơ đồng hồ	Cân đo trọng lượng (tối đa 120 kg)	01 cái/hộp	Cái	3	
89	Thước đo chiều cao	Làm bằng chất liệu gỗ có vạch đo cm		Bộ	2	
90	Bông viên	Bông y tế làm từ bông xơ tự nhiên 100% cotton và được chế từ lông của hạt cây bông, đã loại mỡ, tẩy trắng và làm tơi, hút nước tốt, bông được se thành viên tròn có kích thước Ø 25 x 25mm (± 5mm), Loại: tiết trùng	500g/Túi	Túi	50	

2/10/2024

STT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách (nếu có)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
91	Giấy điện tim 3 cần	Giấy in nhiệt có kẻ ô, kích thước 63 mm x 30m	10 cuộn/hộp	Cuộn	50	
92	Giấy in kết quả xét nghiệm nước tiểu	Màu sắc: Màu trắng, Hình thức: Dạng cuộn, giấy in nhiệt chủ yếu dùng trong y tế	10 cuộn/hộp	Cuộn	200	
93	Giấy in siêu âm	Kích thước 110mm x 20m. Tiêu chuẩn: ISO 13485 (1cuộn/túi)	10 cuộn/hộp	Cuộn	300	
94	Test nhanh chẩn đoán Chlamydia	Xét nghiệm Chlamydia là thử nghiệm miễn dịch sắc ký pha rắn phát hiện nhanh, định tính kháng nguyên Chlamydia trực tiếp từ mẫu chồi tế bào, tấm bông dịch cổ tử cung. Độ nhạy: $\geq 93.1\%$ và độ đặc hiệu: $\geq 98.8\%$ so với nuôi cấy, độ lặp lại 100%. Kit thử ổn định ít nhất 4 tuần khi để ở nhiệt độ $55 \pm 1^\circ\text{C}$. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO hoặc tương đương Dạng bào chế: Khay nhựa có giếng nhỏ mẫu, túi nhôm Bộ sản phẩm: Test thử, Dung dịch chiết, dung dịch trung hòa, tấm bông vô khuẩn, ống nghiệm, ống nhỏ giọt dùng 1 lần. Hạn sử dụng 18 tháng bảo quản ở $2-30^\circ\text{C}$. Thành phần: Vạch thử: Kháng thể đơn dòng từ chuột kháng Chlamydia; Cộng hợp vàng: Kháng thể đơn dòng từ chuột kháng Chlamydia-keo vàng; vạch chứng: Huyết thanh dê kháng immunoglobulin chuột.	25 test/ hộp	Test	1.200	
95	Dung dịch rửa máy hàng ngày	Thành phần: anionic và nonionic, và các alkanolamine, không chứa phosphate.	1gallon/ bình	Bình	5	
96	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm miễn dịch mức 1 (có giá trị cho cả các xét nghiệm chỉ tổ khối u)	Chất kiểm chứng mức 1 dạng lỏng, được chuẩn bị từ huyết thanh người. Các mức nồng độ của các chất phân tích được điều chỉnh với hóa chất tinh khiết và các chế phẩm từ mô/dịch cơ thể người.	1 lọ x5mL/lọ	Lọ	5	
97	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm miễn dịch mức 2 (có giá trị cho cả các xét nghiệm chỉ tổ khối u)	Chất kiểm chứng mức 2 dạng lỏng, được chuẩn bị từ huyết thanh người. Các mức nồng độ của các chất phân tích được điều chỉnh với hóa chất tinh khiết và các chế phẩm từ mô/dịch cơ thể người.	1 lọ x5mL/ lọ	Lọ	5	

Vfmg

STT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách (nếu có)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
98	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm miễn dịch mức 3 (có giá trị cho cả các xét nghiệm chỉ tổ khối u)	Chất kiểm chứng mức 3 dạng lỏng, được chuẩn bị từ huyết thanh người. Các mức nồng độ của các chất phân tích được điều chỉnh với hóa chất tinh khiết và các chế phẩm từ mô/dịch cơ thể người.	1 lọ x5mL/ lọ	Lọ	5	
99	Môi trường pha loãng mẫu(Buffered Peptone Water)	Thành phần: Peptone 10g/l NaCl 5g/l Na ₂ HPO ₄ x 12 H ₂ O 9g/l KH ₂ PO ₄ 1.5g/l Giá trị pH at 25 °C 7.0 ± 0.2 Độ hòa tan: 25.5g/l Bảo quản: +15°C and +25°C. Đóng gói: 500g/hộp	500g/hộp	Hộp	1	
100	Môi trường/Chất bổ trợ nuôi cấy vi sinh	Môi trường chọn lọc để phân lập Salmonella spp. và Shigella spp.- Thành phần (g/l): Peptone 5.0; HM Peptone B 5.0; Lactose 10.0; Yeast Extract 5.0; Sodium Citrate 1.0; Bile Salts mixture 8.5; Ferric Citrate 1.0; Brilliant Green 0.33 mg; Neutral Red 0.025; Agar 15.0; pH cuối cùng 7.0 ± 0.2.- Môi trường tổng hợp dạng bột mịn, đồng nhất, màu hồng nhạt.- Bảo quản: 10-25°C- Tiêu chuẩn chất lượng Châu Âu/G7: ISO, CE.	500g/hộp	Hộp	1	
101	Etyl axetat.	Độ tinh khiết: ≥ 99.5 % Màu sắc ≤ 10 Hazen Khối lượng phân tử: 88.11 g/mol Tỉ trọng: 0.90 g/cm ³ (20 °C) Độ hòa tan: 85.3 g/l Bảo quản: +2°C đến +30°C.	1000ml/chai	Chai	1	
102	Isopropanol (CH ₃) ₂ CHOH	Độ tinh khiết ≥ 99.8 %Màu sắc: ≤ 10 HazenKhối lượng phân tử: 60.1 g/molTỉ trọng: 0.786 g/cm ³ (20 °C)Bảo quản: +2°C đến +25°C.	1 lít/chai	Chai	1	
103	Thuốc thử Kovac	Thành phần: n-Butanol; hydrochloric acid; 4-dimethylaminobenzaldehyde. Bảo quản: +2°C đến +8°C. Giá trị pH <1 (H ₂ O, 20 °C) Tỉ trọng: 0.92 g/cm ³ (20 °C)	100ml/chai	Chai	1	
104	Tris (hydroxymetyl) aminometan, NH ₂ C(CH ₂ OH) ₃	Độ tinh khiết chuẩn độ bằng HCl ≥99.8% Khối lượng phân tử: 121,14 g/mol Nước ≤ 2.0 % Nhiệt độ sôi: 167-172 °C Giá trị pH: 7-9	100g/lọ	Lọ	1	
105	Bộ nhuộm Gram	Bộ nhuộm Gram dùng để thực hiện xét nghiệm nhuộm soi. Bao gồm 04 dung dịch thuốc nhuộm thành phần là Crystal Violet chai 100ml, Lugol chai 100ml, Decolor (alcohol-acetone) chai 100ml và Safranin chai 100ml.	(100 ml/ chai x 4 chai) / bộ	Bộ	30	

chmy

STT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách (nếu có)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
106	Test thử nước tiểu	Dùng cho máy phân tích nước tiểu bán tự động- Các chỉ số đo: Glucose, Bilirubin, Ketone, pH, Blood, Nitrite, Protein, Urobilinogen, Leukocyte, SG.- Dải đo của các chỉ số:Protein: 15-30mg/dL albuminBlood: 0.015-0.062mg/dL hemoglobinLeukocyte: 5-15Nitrite: 0.06-0.1mg/dL nitrite ionGlucose: 75-125mg/dLKetone: 5-10mg/dL acetoacetic acidpH: 4.6- 8.0SG: 1.001-1.035Bilirubin: 0.4-0.8mg/dLUrobilinogen: 0.2EU/dL	100 test/ lọ	Test	10.000	
107	Đầu côn không có lọc 1000ul (đầu côn xanh)	Tiệt trùng Chất liệu: Nhựa PP Cân nặng: 0,69g Kích thước: 8x69mm Màu sắc: Xanh Mục đích: Chuyển mẫu chất lỏng	1000 cái/túi	Cái	23.500	
108	Đầu côn Vàng	Đầu côn vàng dung tích 200ul. KT 6 x 50 mm	1000 cái / bịch	Cái	22.000	
109	Đầu côn trắng (nhỏ, có khóa)	Đầu côn không có lọc 0-10ul, Tiệt trùng. Chất liệu: Nhựa PP. Cân nặng: 0,117g. Kích thước: 4x31mm, Màu sắc: TrắngChứng chỉ: ISO 13485 hoặc tương đương	1000 Cái/túi	Cái	11.000	
110	Ống chứa máu kháng đông EDTA - K2	Ống nghiệm K2EDTA URI, nắp xanh dương- Có vạch định mức trên nhãn. - Thân ống Polypropylene (PP), chiều dài 75 ± 1 mm. đường kính ngoài 13 ± 1 mm, thể tích chứa tối đa $6\text{mL} \pm 0.5\text{mL}$, - Nắp nhựa LDPE, màu xanh dương giúp dễ dàng phân biệt ống K2EDTA với các loại ống khác, nắp kết nối chắc chắn, chống tràn đổ mẫu bệnh phẩm.- Nồng độ EDTA: 1.2 – 2.2 mg/mL máu.	100 ống / giá	Cái	12.000	
111	Ống chứa máu kháng đông Heparin	Ống nghiệm Lithium Heparin URI, nắp đen- Có vạch định mức trên nhãn. - Thân ống Polypropylene (PP), chiều dài 75 ± 1 mm. đường kính ngoài 13 ± 1 mm, thể tích chứa tối đa $6\text{mL} \pm 0.5\text{mL}$, d- Nắp nhựa LDPE, màu đen giúp dễ dàng phân biệt ống Lithium Heparin với các loại ống khác, nắp kết nối chắc chắn, chống tràn đổ mẫu bệnh phẩm.- Hoạt lực Lithium Heparin: >10 IU/mL máu.	100 ống / giá	Cái	12.000	
112	Đè lưỡi gỗ	Que đè lưỡi gỗ: Gỗ tự nhiên, thớ mịn, đồng nhất, không lõi, không cong vênh., an toàn trong sử dụng. - Kích thước: 150mm x 20mm x 2mm. - Sản phẩm được tiệt trùng	100 que/hộp	que	10.000	

Amg

STT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách (nếu có)	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
113	Phim Xquang	- Kích thước phim: 20 x 25 cm. - Độ đậm quang học tối đa: ≥ 3.2 - Gồm nền polyethylene terephthalate dày 168 μm, tương đương 80% trọng lượng, phủ một lớp muối bạc hữu cơ hàm lượng khoảng 1.0 g/m² trong chất kết dính hữu cơ và một lượng nhỏ các chất phụ gia, bao phủ bên ngoài bởi một lớp bảo vệ trong suốt - Phù hợp với các dòng máy in Agfa Drystar - Có 2 FSC của châu Âu, Mỹ, Nhật, Úc, Canada	100 Tấm/ hộp	Tấm	1.000	
114	Giấy điện tim 6 cân	- Kích thước: 110mm x 140mm x 200 tờ. - Hình thức: Dạng xấp - Giấy màu trắng sọc đỏ - Đạt nhiều chứng chỉ: ISO 9001, ISO 13485 - Chất liệu giấy giúp hình ảnh điện tim hiển thị rõ ràng - Giấy điện tim 6 cân được sử dụng nhiều trong lĩnh vực y tế	Xấp/ hộp	Xấp	12	



Phụ lục 2.

Tên đơn vị cung cấp

Địa chỉ

Số điện thoại

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢO GIÁ

Kính gửi: Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An

Trên cơ sở thư mời báo giá số 871 /TM-KSBT của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An ngày 23 tháng 4 năm 2024, chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các mặt hàng như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế/ hàng hóa và dịch vụ liên quan

DVT: VND

STT	STT trong thư mời báo giá	Tên hàng hóa	Tiêu chí kỹ thuật	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất	Mã HS (nếu có)	Năm sản xuất	Xuất xứ	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng/Khối lượng	Đơn giá (VNĐ)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan (VNĐ)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1														
...														
Tổng tiền .. mặt hàng														

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày 06/05/2024. [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày]

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹²⁾

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))